

Châu Thành, ngày 09 tháng 4 năm 2021.

Số: 140/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh Đỗ Công T, sinh năm: 1989;
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
2. Chị Châu Mỹ L, sinh năm: 1994;
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đỗ Công T và chị Châu Mỹ L trình bày:

Vợ chồng anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới nhau, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có nhiều bất đồng trong cuộc sống, kinh tế khó khăn, anh T thường hay đánh chị L. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh T đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên biết anh chị bất hòa nhưng không hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Năm 2020, vợ chồng anh đã ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống. Anh T, chị L nhận thấy khả năng vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là Đỗ Quang K, sinh ngày 07/10/2019. Hiện nay con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận, anh T được tiếp tục nuôi cháu K. Chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T, chị L không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Công T với chị Châu Mỹ L thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: chị Châu Mỹ L và anh Đỗ Công T thoả thuận anh Đỗ Công T được tiếp tục nuôi cháu Đỗ Quang K, sinh ngày 07/10/2019.

Chị Châu Mỹ L cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị Châu Mỹ L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Châu Mỹ L và anh Đỗ Công T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Châu Mỹ L và anh Đỗ Công T mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005055 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Thạch;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Trung